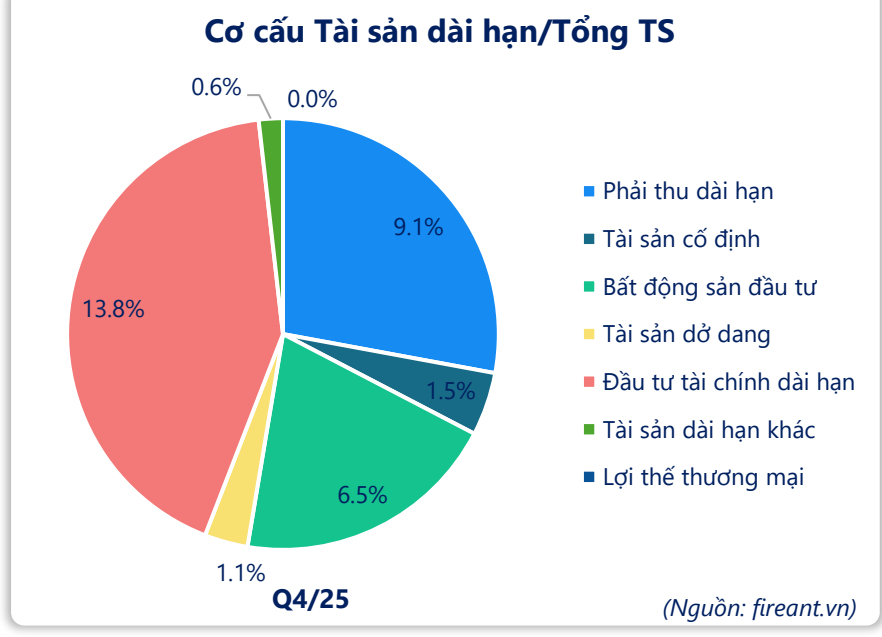
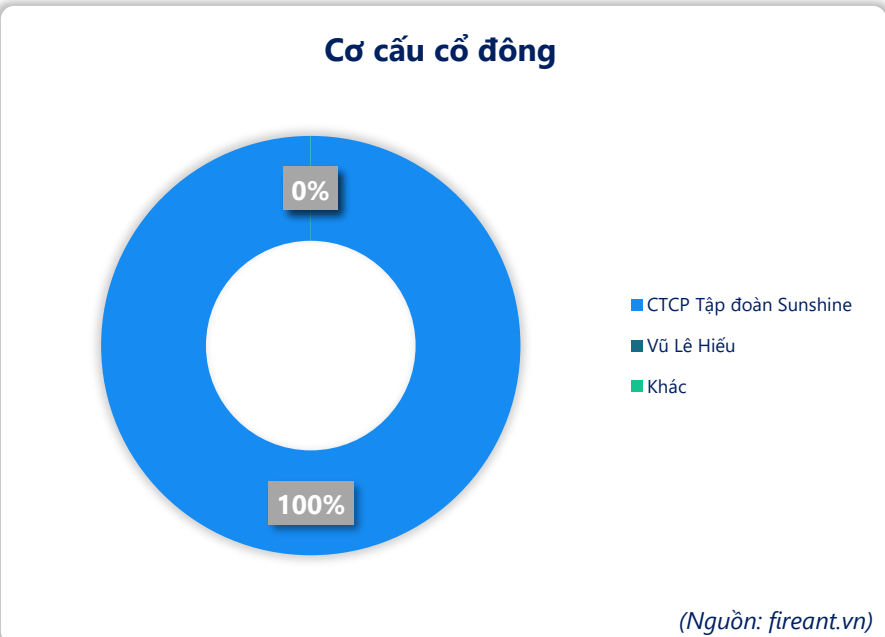
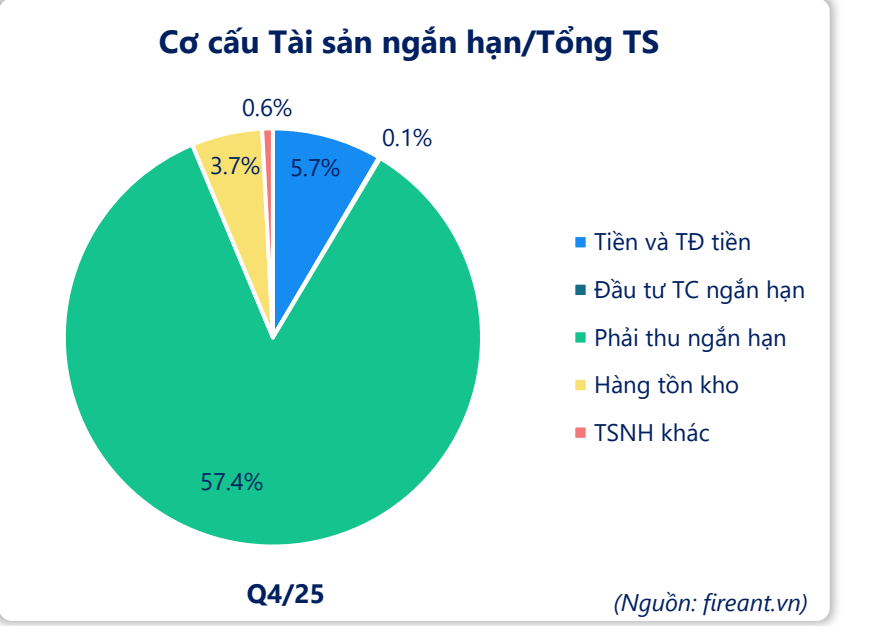
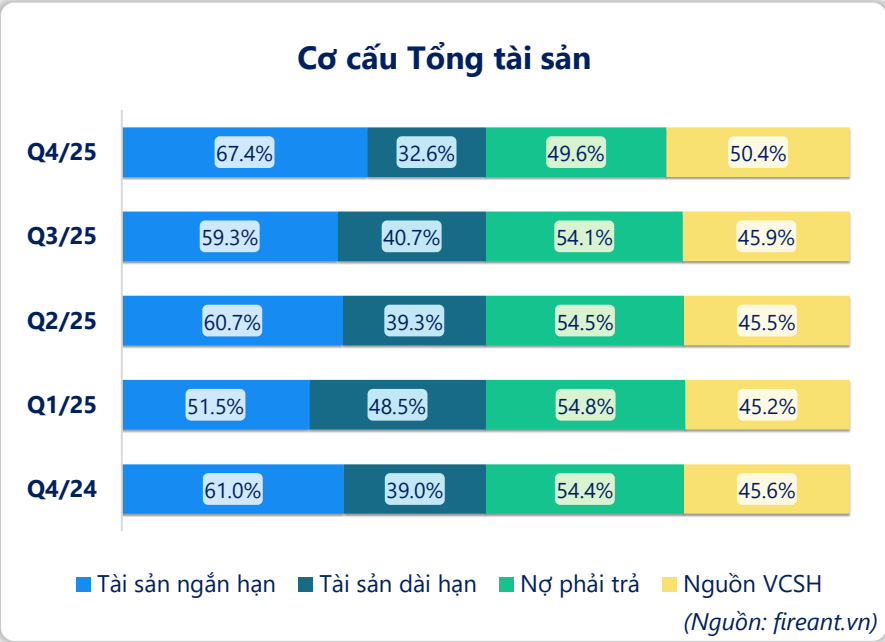
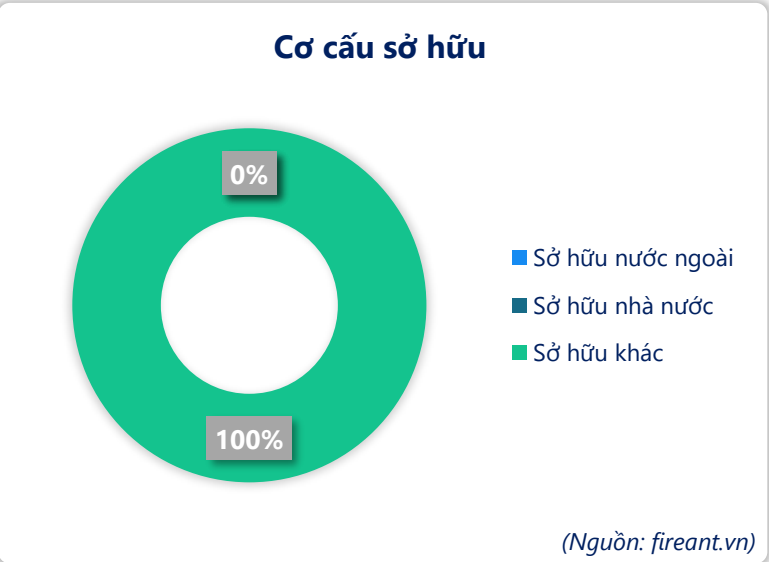
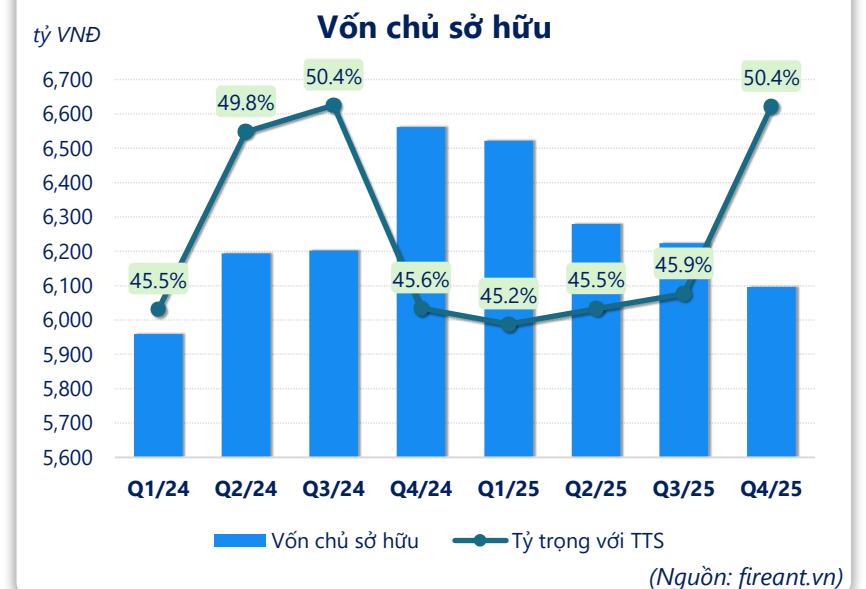
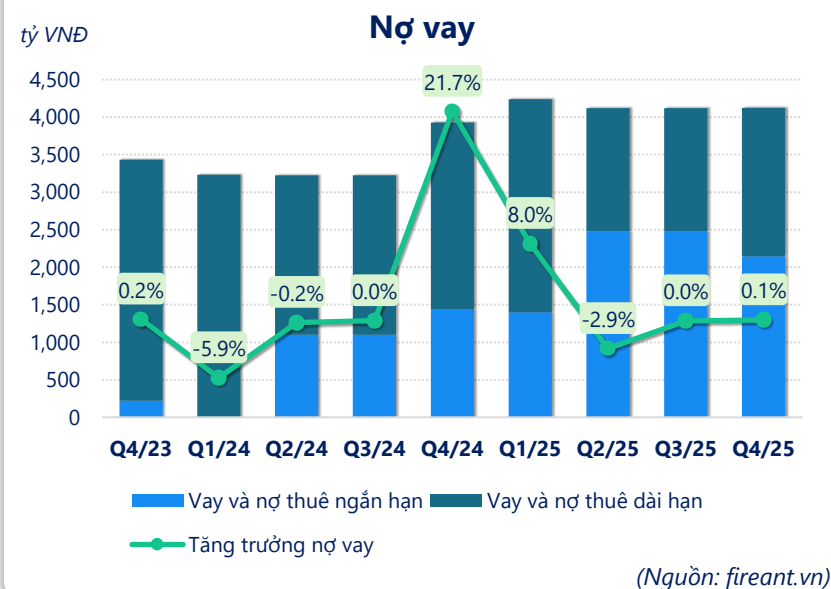
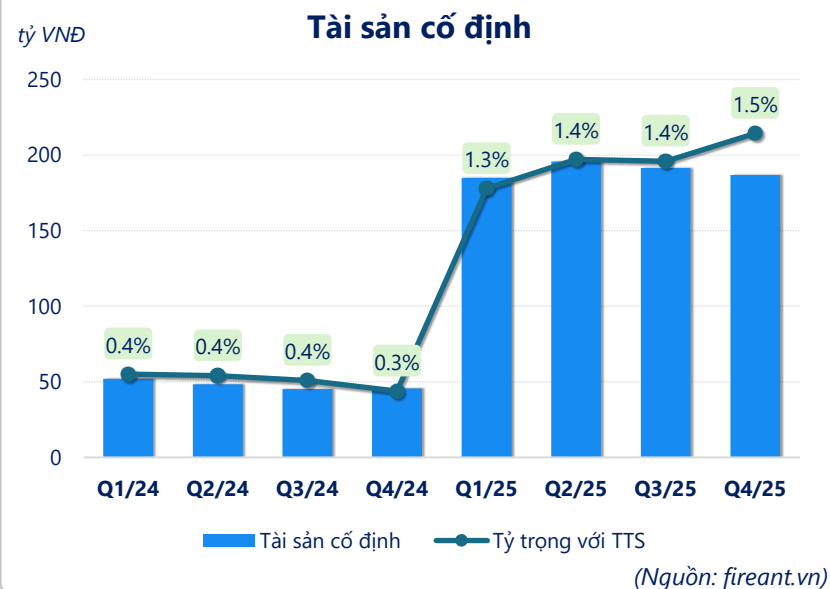
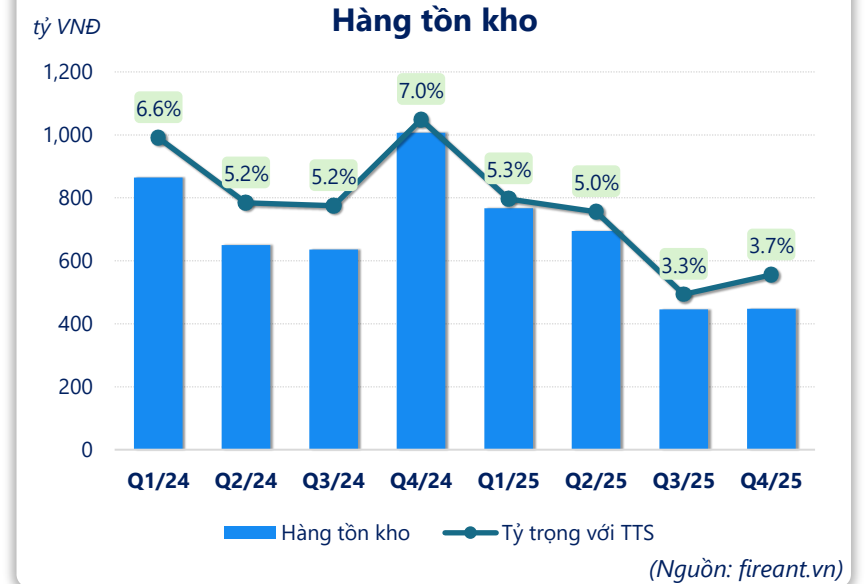
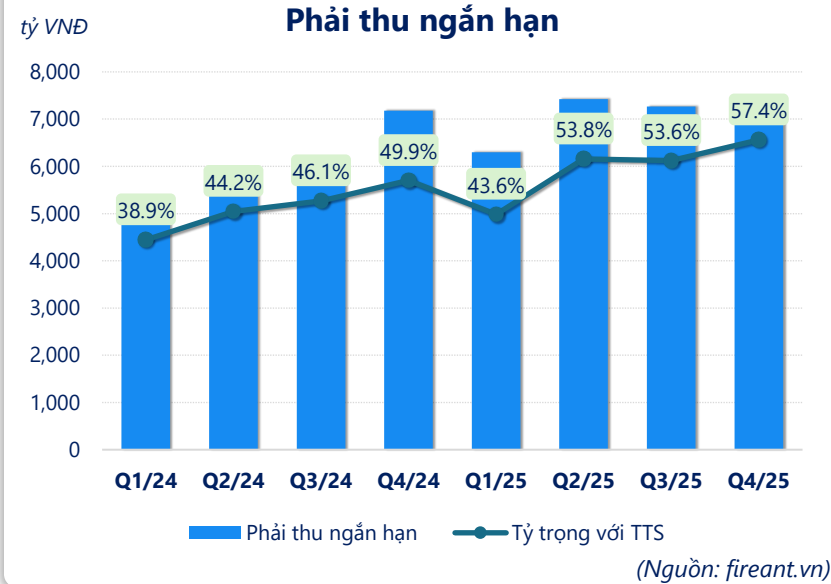
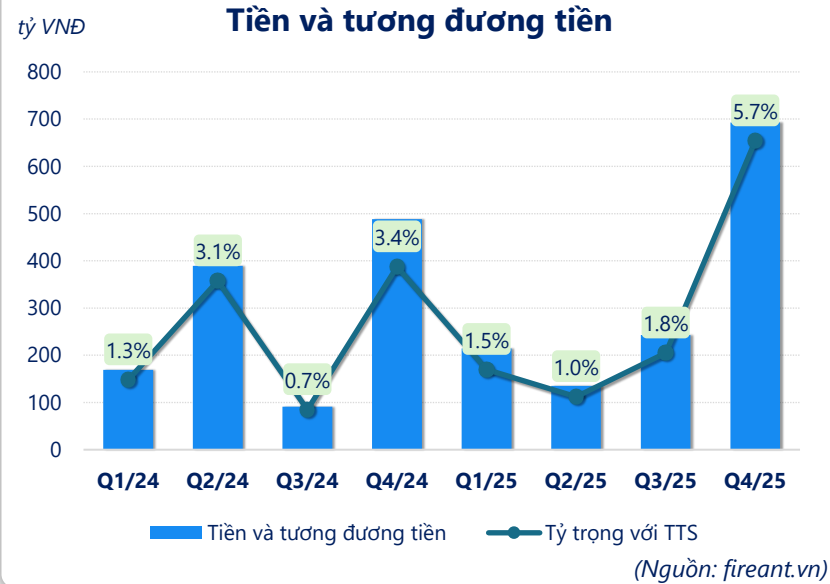
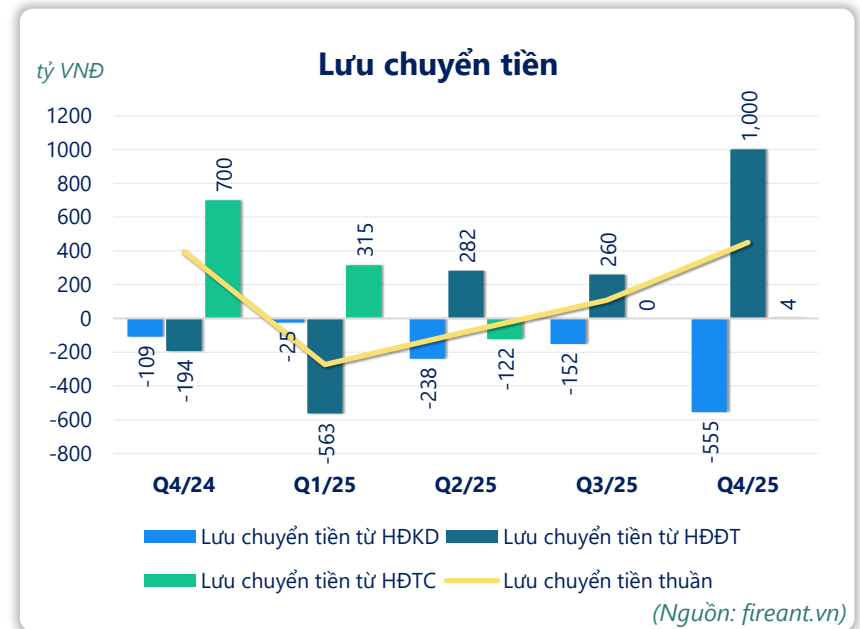
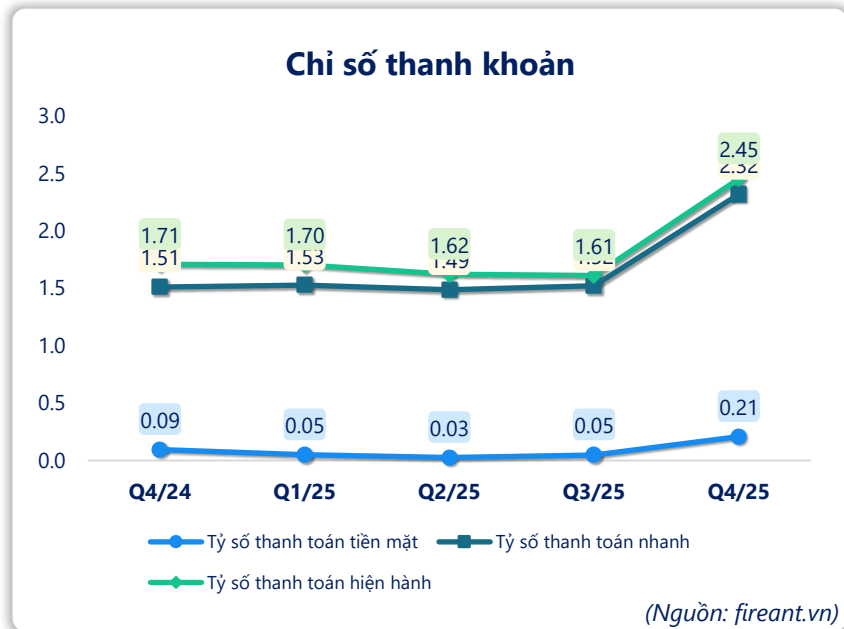
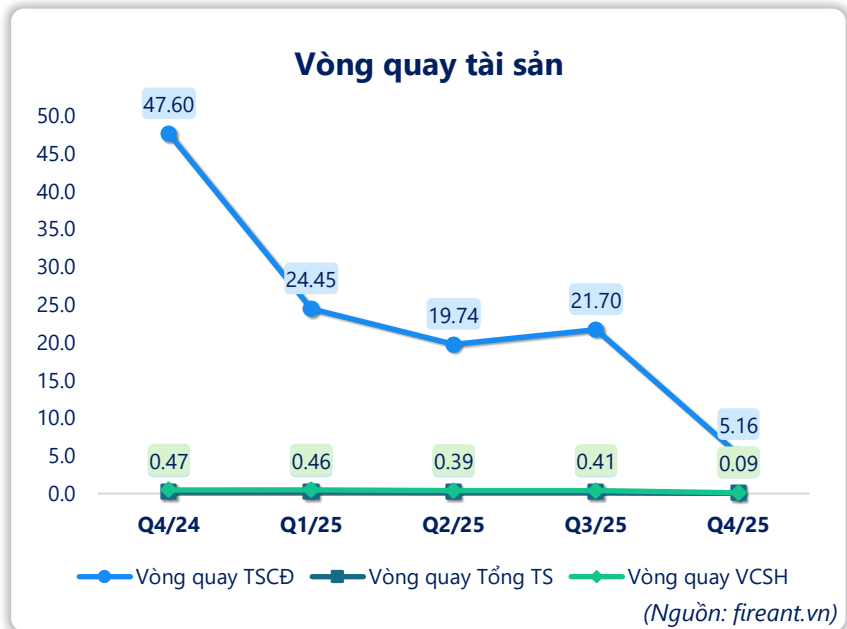
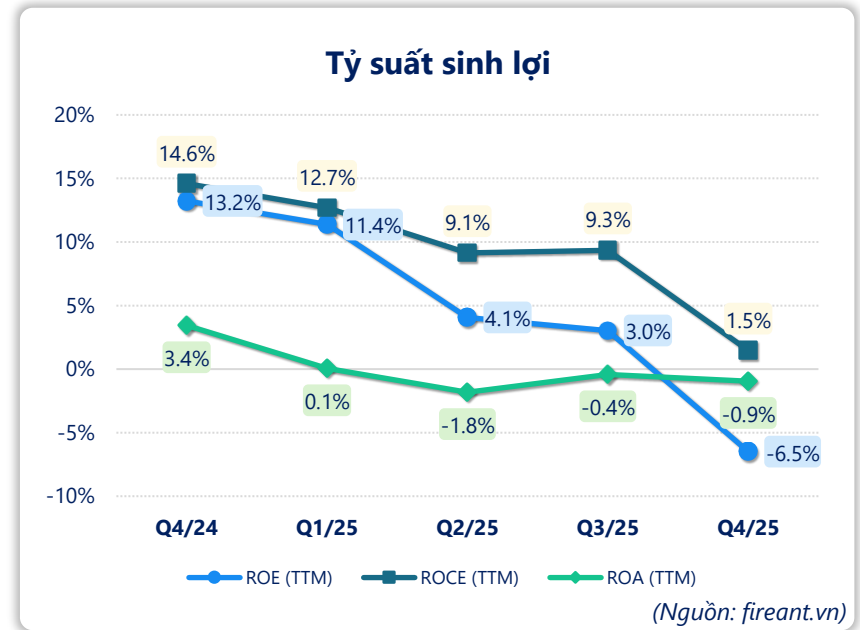
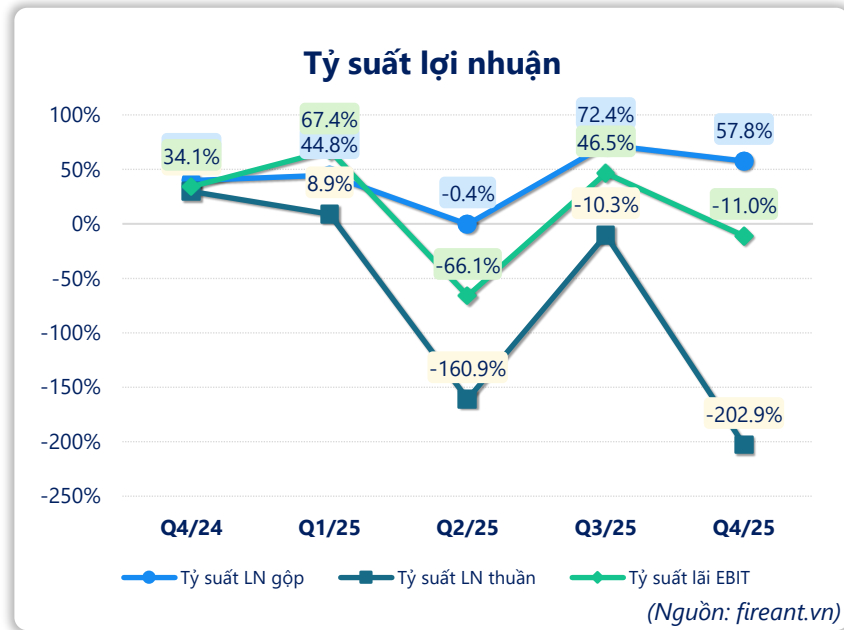
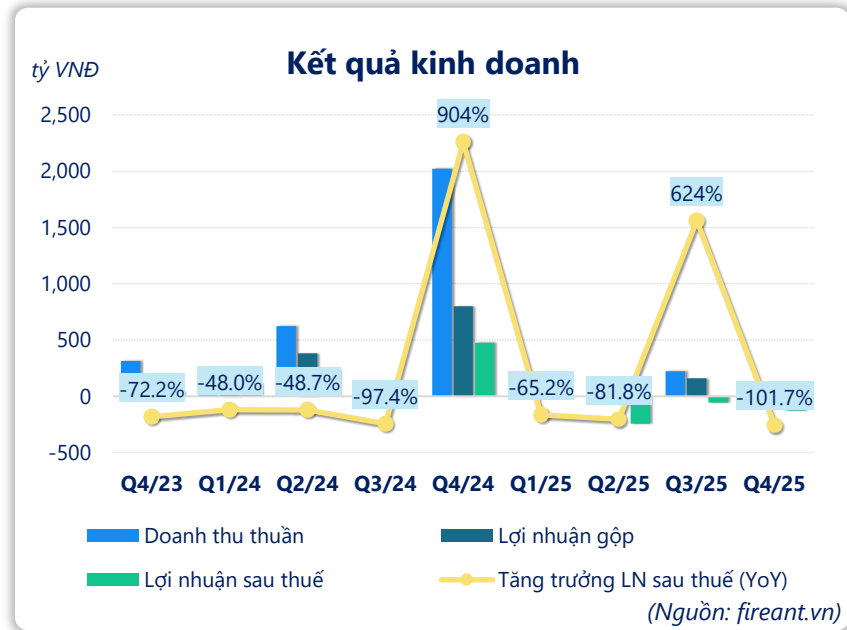


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		77,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		117,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		66,600
SL cổ phiếu LH		375,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		15
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		29,175
P/E		-71.0
EPS		-1,095

	YTD	1T	3T	6T
SSH	16.3%	-1.5%	-11.7%	-12.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	12,105	14,395	-15.9%
Tài sản ngắn hạn	8,163	8,634	-5.5%
Tiền và tương đương tiền	693	488	41.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.75	7.38	5.0%
Phải thu ngắn hạn	6,947	7,178	-3.2%
Hàng tồn kho	448	859	-47.9%
Tài sản ngắn hạn khác	67.3	101	-33.7%
Tài sản dài hạn	3,943	5,761	-31.6%
Phải thu dài hạn	1,100	2,274	-51.6%
Tài sản cố định	187	85.8	118%
Bất động sản đầu tư	788	713	10.6%
Tài sản dở dang	128	285	-55.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,668	2,403	-30.6%
Tài sản dài hạn khác	71.1	0.55	12914%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6,009	7,875	-23.7%
Nợ ngắn hạn	3,331	4,533	-26.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,144	1,438	49.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	70.5	485	-85.5%
Nợ dài hạn	2,679	3,342	-19.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,979	2,489	-20.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	6,096	6,520	-6.5%
Vốn chủ sở hữu	6,096	6,520	-6.5%
Vốn điều lệ	3,750	3,750	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	2,020	187	138	222	52.6
Giá vốn hàng bán	1,220	103	139	61.0	22.2
Lợi nhuận gộp	801	83.7	-0.60	160	30.4
Doanh thu HĐTC	92.7	110	127	129	120
Chi phí TC	103	122	157	147	140
Chi phí lãi vay	89.0	112	141	134	124
LN trong công ty LKLD	-1.83	0.08	-161	-114	-67.2
Chi phí bán hàng	139	13.2	4.69	17.8	3.35
Chi phí QLDN	49.1	42.3	26.6	34.5	46.9
LN thuần từ HĐKD	601	16.6	-222	-22.7	-107
Lợi nhuận khác	-1.02	-2.42	-9.70	-7.95	-22.6
LN trước thuế	600	14.2	-232	-30.7	-129
Lợi nhuận sau thuế	475	2.75	-243	-56.2	-127
LNST của CĐ cty mẹ	474	7.31	-239	-54.2	-125

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-109	-24.7	-238	-152	-555
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-194	-563	282	260	1,000
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	700	315	-122	0	4.05
Tiền đầu kỳ	91.2	488	215	135	243
Lưu chuyển tiền thuần	397	-273	-79.1	107	450
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	488	215	135	243	693

(Nguồn: fireant.vn)